TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2024
"V/v: Ly hôn và giải quyết về con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Quang Thái và bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hảo, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 20234, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 29 tháng 6 năm 2007. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh N tại tổ dân phố Bảo Sơn, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên. Trong quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra vãi vã.

Mỗi lần cãi vã, anh N thường chửi bới, đe doạ chị. Ngoài ra, anh N là người sống vô tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Quá trình mâu thuẫn, chị đã nhiều lần cho anh N cơ hội thay đổi để vợ chồng về chung sống, đoàn tụ nhưng anh N không thay đổi. Đến tháng 01 năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình sống ly thân, cả hai không quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể kéo dài, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 05/01/2011, cháu Nguyễn Chí P, sinh ngày 17/4/2013 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/10/2017 (hiện cả 03 con chung đều đang ở với anh N). Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Anh T; đồng ý cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thu T và cháu Chí P, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai anh trình bày và xác nhận: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến xảy ra cãi vã. Đến đầu tháng 6 năm 2014 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh thừa nhận như chị T trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự,bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/10/2017; anh N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 05/01/2011 và cháu Nguyễn Chí P, sinh ngày 17/4/2013, các bên không phải cấp

dưỡng nuôi con chung cho nhau;Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N, anh N có địa chỉ thường trú tại: Tổ dân phố Bảo Sơn, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn do luật định nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T khai nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra vãi vã, xô xát. Mỗi lần cãi vã, anh N thường chửi bới, đe doạ chị. Ngoài ra anh N là người sống vô tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Quá trình mâu thuẫn, chị đã nhiều lần cho anh N cơ hội thay đổi để vợ chồng về chung sống, đoàn tụ nhưng anh N không thay đổi. Theo anh N nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Phía chị T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh N. Phía anh N không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh N cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng; quá trình Toà án tiến hành hoà giải anh N cũng không có mặt, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy giữa chị T và anh N không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T và anh N được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T và anh N đều thừa nhận có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 05/01/2011, cháu Nguyễn Chí P, sinh ngày 17/4/2013 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/10/2017 (hiện cả 03 con chung

đều đang ở với anh N). Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Anh T; đồng ý cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thu T và cháu Chí P; anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung; các đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét nguyện vọng xin nuôi con của các bên là chính đáng, tuy nhiên xét thấy anh N không thể một mình nuôi dưỡng giáo dục cả ba con. Hơn nữa, cháu Thu T và cháu Chí P có nguyện vọng muốn ở với anh N, cháu Anh T còn nhỏ, cần nhiều thời gian chăm sóc, yêu thương của mẹ. Vì vậy, cần giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thu T, cháu Chí P, giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Anh T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 05/01/2011 và cháu Nguyễn Chí P, sinh ngày 17/4/2013; Chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/10/2017 (hiện cả 03 con chung đều đang ở với anh N), chị T, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, gây khó khăn.

3.Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002390 ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND TT Bá Hiến, H. Bình Xuyên;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Vân Hồng